TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 27–8–2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Tiện, ông Nguyễn Văn Phúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Long Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị Q; sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Bản Pịn Ban (trước là bản Pịn), xã N, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn C; sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Bản Pịn Ban (trước là bản Pịn), xã N, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lường Thị Q trình bày:

Chị Q và anh Lường Văn C kết hôn với nhau từ năm 2017. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm cuộc sống vợ chồng, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng hôn nhân không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2024 cho đến nay không ai quan tâm đến nhau. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết ly hôn với anh Lường Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lường Văn B, sinh ngày 28/9/2002 và cháu Lường Văn K, sinh ngày 14/3/2005. Hiện các cháu đều trưởng thành trên 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lường Thị Q cam đoan không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lường Văn C đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng anh C vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú của các đương sự như sau:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 19/5/2026 xác định: Chị Lường Thị Q và anh Lường Văn C kết hôn với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Sơn La). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại bản Pịn, xã N, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Chị Q và anh C đã sống ly thân với nhau được mấy năm nay, không ai quan tâm đến nhau, tài sản có gì hai bên đã chia nhau hết. Quá trình chung sống chị Q và anh C có 02 con chung là cháu Lường Văn B, sinh năm 2002 và cháu Lường Văn K, sinh năm 2005. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành và đều đã đi làm thuê. Về tài sản chung và nợ chung không có gì.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng.

Chị Lường Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị Q giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài

liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị Q được ly hôn với anh Lường Văn C.

Về con chung: Cháu Lường Văn B, sinh ngày 28/9/2002 và cháu Lường Văn K, sinh ngày 14/3/2005 đã trưởng thành đủ khả năng lao động, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Về án phí: Chị Lường Thị Q được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Lường Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lường Văn C1 có địa chỉ bản Pịn Ban, xã N, tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Sơn La.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lường Văn C đã được Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều

238 Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về việc không hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị Q và anh Lường Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Sơn La) vào ngày 20/9/2017, việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn hai bên đủ kiều kiện kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân mâu thuẫn giữa chị Lường Thị Q và anh Lường Văn C xuất phát từ việc hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh C và chị Q đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 cho đến nay, hiện tại không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lường Văn C để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lường Văn C không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc xin ly hôn với chị Lường Thị Q thể hiện ý chí thiếu trách nhiệm, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình và không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, biên bản xác minh tại địa phương, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Q và anh C không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không thể hoà hợp được, đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc. Căn cứ vào Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Q và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, xử cho anh chị được ly hôn theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lường Văn B, sinh ngày 28/9/2002 và cháu Lường Văn K, sinh ngày 14/3/2005. Các cháu hiện nay đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lường Thị Q xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Lường Văn C không có ý kiến đề nghị. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Xét thấy chị Lường Thị Q là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị Q có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, cần miễn án phí cho chị Lường Thị Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị Q được ly hôn với anh Lường Văn C.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lường Văn B, sinh ngày 28/9/2002 và cháu Lường Văn K, sinh ngày 14/3/2005 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị Q.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quàng Văn Tiện **Nguyễn Văn Phúc** **Nông Văn Thịnh**